

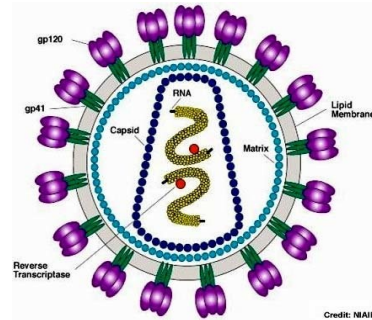
Họ và tên học sinh:.....

Lớp: 6A.....

Khoanh tròn vào đáp án đúng nhất cho các câu hỏi, mỗi câu trả lời đúng 0,25 điểm.

Câu 1. Hãy cho biết hình ảnh sau nói về loại virus nào?

- A. Virus HIV
- B. Virus Corona
- C. Virus dại
- D. Virus sởi



Câu 2. Vật chất di truyền của một virus là?

- A. ARN và ADN
- B. ARN hoặc ADN
- C. ARN và gai glycoprotein
- D. AND hoặc gai glycoprotein

Câu 3. Vật chủ trung gian nào gây bệnh sốt xuất huyết

- A. Chuột
- B. Gián
- C. Gà
- D. Muỗi

Câu 4. Cách phòng chống lây nhiễm Corona tốt nhất hiện nay là

- A. Ăn chín uống sôi
- B. Đi ngủ mắc màn
- C. Thường xuyên rửa tay
- D. Tiêm vắc xin phòng bệnh

Câu 5. Nguyên sinh vật dưới đây có tên là gì

- A. Trùng roi xanh

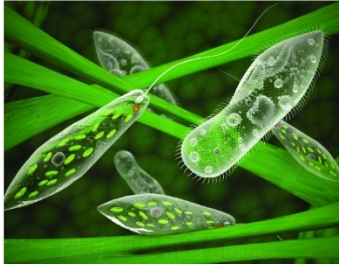
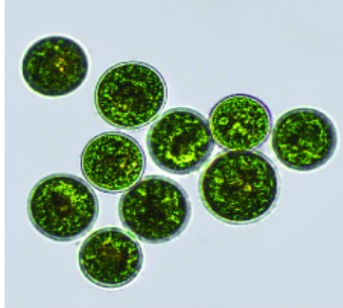
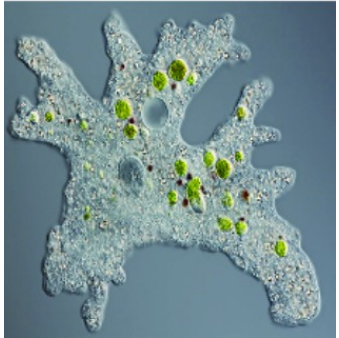
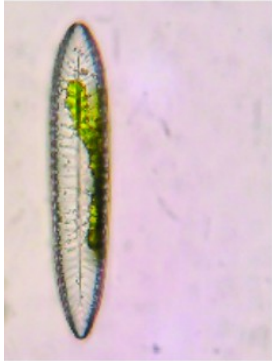


B. Tảo lục

C. Trùng biến hình

D. Trùng đế giày

Câu 6. Cho các sinh vật sau:

		
1. Trùng roi	2. Trùng giày	3. Tảo lục
		
4. Trùng biến hình	5. Tảo Silic	6. Thực khuẩn thể

Những sinh vật thuộc nhóm nguyên sinh vật là:

A. (1); (2); (3); (4); (5).

B. (1); (2); (3); (4); (6).

C. (1); (2); (4).

D. (1); (2); (4); (6).

Câu 7. Nguyên sinh vật sau có tên là

A. Trùng roi

B. Tảo lục

C. Trùng biến hình

D. Trùng đế giày



gì?

Câu 8. Trùng biến hình di chuyển bằng hình thức nào

A. Lông bơi

- B. Roi bơi
- C. Chân giả
- D. Vây

Câu 9. Vi trùng gây bệnh kiết lị có tên là gì?

- A. Plasmodium
- B. E.coli
- C. Entamoeba
- D. Giardia lamblia

Câu 10. Nguyên sinh vật nào sau đây được dùng làm món ăn?

- A. Tảo
- B. Trùng roi
- C. Trùng giày
- D. Trùng sốt rét

Câu 11. Đây là hình ảnh của loại nấm nào?

- A. Nấm đùi gà
- B. Nấm kim châm
- C. Nấm tuyết
- D. Nấm hương

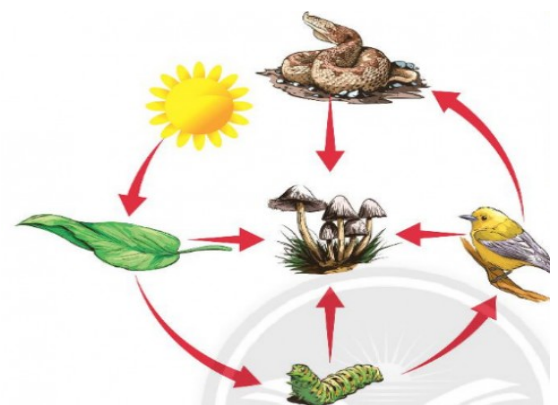


Câu 12. Vai trò của nấm men

- A. Làm thức ăn
- B. Phân giải chất hữu cơ
- C. Sản xuất bia rượu, làm men bột nở,...
- D. Làm thuốc

Câu 13. Quan sát hình dưới đây, hãy nêu vai trò của nấm trong tự nhiên

- A. Làm thức ăn cho nhiều loài sinh vật
- B. Tham gia vào quá trình phân hủy chất thải và xác động thực vật, làm sạch môi trường
- C. Tham gia vào quá trình quang hợp của cây xanh



D. Là nguồn phân bón cho cây

Câu 14. Đây là hình ảnh của nấm hương



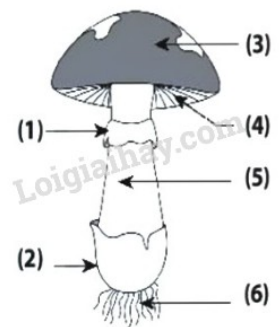
Câu 15. Quan sát hình bên và cho biết thành phần cấu tạo nào sau đây thường có ở nấm độc mà không có ở nấm ăn được?

A. (3), (4)

B. (5),(6).

C. (3), (6).

D. (1), (2).



Câu 16. Thuốc kháng sinh Penicillin được sản xuất từ

A. Nấm men

B. Nấm mốc

C. Nấm mộc nhĩ

D. Nấm độc đỏ

Câu 17. Đây là loài sinh vật nào?

A. Rêu

B. Dương xỉ

C. Cây cỏ bọ

D. Cây thông



Câu 18. Rêu thường sống ở

A. Môi trường nước

B. Nơi ẩm ướt

C. Nơi khô hạn

D. Môi trường không khí

Câu 19. Đây là hình ảnh của loài thực vật thuộc nhóm nào?

A. Rêu

B. Dương xỉ

C. Hạt trần

D. Hạt kín



Câu 20. Đây là hình ảnh của loài thực vật thuộc nhóm nào?

A. Rêu

B. Dương xỉ

C. Hạt trần

D. Hạt kín



Câu 21. Cơ quan sinh dưỡng của loài rêu

A. thân, rễ, lá kim

B. thân, lá, rễ giả

C. thân, hoa, quả

D. túi bào tử nằm ở trên ngọn

Câu 22. Cơ quan sinh sản của cây thông là

- A. Bào tử nằm ở ngọn
- B. Bào tử nằm ở phía mặt sau lá già
- C. Nón đực và nón cái
- D. Hạt nằm trong quả

Câu 23. Cơ quan sinh sản của loài rêu

- A. Bào tử nằm ở ngọn
- B. Bào tử nằm ở phía mặt sau lá già
- C. Nón đực và nón cái
- D. Hạt nằm trong quả

Câu 24. Cơ quan sinh sản của cây cam

- A. Bào tử nằm ở ngọn
- B. Bào tử nằm ở phía mặt sau lá già
- C. Nón đực và nón cái
- D. Hạt nằm trong quả

Câu 25. Cây nào dưới đây được dùng để sản xuất chất gây nghiện

- A. Cây Anh túc
- B. Cây chè
- C. Cây Ca cao
- D. Cây Cô ca

Câu 26. Hầu hết các bộ phận của cây nào dưới đây đều chứa độc tố và gây hại đến sức khỏe con người

- A. Cây rau ngót
- B. Cây cần tây
- C. Cây trúc đào
- D. Cây rau má

Câu 27. Chọn câu sai. Thực vật giúp điều hòa khí hậu nhờ điều nào dưới đây?

- A. Giảm thiểu thiên tai nhờ khả năng cản bớt ánh sáng, gió và vận tốc dòng chảy
- B. Làm dịu mát môi trường xung quanh thông qua việc thải ra hơi nước

C. Cân bằng hàm lượng khí oxygen và khí carbon dioxide trong bầu khí quyển nhờ quá trình quang hợp

D. Thực hiện quá trình hô hấp ở cây, trao đổi khí oxygen và carbon dioxide

Câu 28. Thủy tức là đại diện cho nhóm động vật nào

A. Ruột khoang

B. Giun

C. Thân mềm

D. Chân khớp

Câu 29. Giun đất là đại diện cho nhóm động vật nào

A. Ruột khoang

B. Giun

C. Thân mềm

D. Chân khớp

Câu 30. Đặc điểm cơ bản nhất để phân biệt nhóm động vật có xương sống với nhóm động vật không có xương sống là

A. Hình thái đa dạng

B. Có xương sống

C. Kích thước cơ thể lớn

D. Sống lâu

Câu 31. Lớp cá hô hấp bằng

A. Vây cá

B. Mang cá

C. Phổi cá

D. Da cá

Câu 32. Đà điểu thuộc lớp chim, cho biết hình thức di chuyển của loài chim này

A. Bơi

B. Bay

C. Chạy

D. Trườn

Câu 33. Cho các động vật sau:

			
(1) Chuột túi	(2) Chim cánh cụt	(3) Đà điểu	(4) Mèo
			
(5) Cá voi	(6) Cá chép	(7) Chó	(8) Thú mỏ vịt

Số động vật thuộc nhóm thú là:

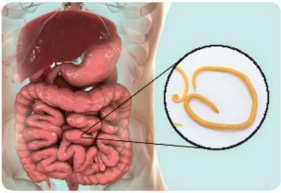
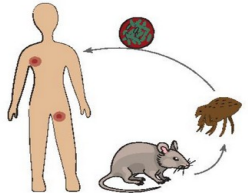
A. 3.

B. 5.

C. 7.

D. 8.

Câu 34. Cho các hình ảnh sau:

			
(1)	(2)	(3)	(4)
			
(5)	(6)	(7)	(8)

Số hình ảnh thể hiện tác hại của động vật là:

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

Câu 35. Động vật nào gây truyền dịch hạch

A. Chuột

B. Thỏ

C. Muỗi

D. Mèo

Câu 36. Động vật nào **không** thuộc lớp Lưỡng cư

- A. Nhái
- B.Ếch
- C. Lươn
- D. Cóc

Câu 37. Mục tự vệ bằng cách nào

- A. Co cơ thể vào trong vỏ cứng
- B. Tung hỏa mù để trốn chạy
- C. Dùng tua miện để tấn công kẻ thù
- D. Tiết chất nhờn làm kẻ thù không bắt được

Câu 38. Đa số loài thú đẻ con và nuôi con bằng sữa mẹ, tuy nhiên có một số loài đẻ trứng đó là

- A. Thú mỏ vịt
- B. Hươu cao cổ
- C. kangaroo
- D. Con lợn

Câu 39. Loài chim nuôi con bằng sữa điều

- A. Chim gõ kiến
- B. Chim kền kền
- C. Chim hồng hạc
- D. Chim đại bàng

Câu 40. Loài nào sống cộng sinh với tôm ở nhờ giúp di chuyển

- A. San hô
- B. Hải quỳ
- C. Thủy tức
- D. Sứa

IV. Đáp án – Hướng dẫn chấm

1. A	2. B	3. D	4. D	5. D	6. A	7. A	8. C	9. C	10. A
11. B	12. C	13. B	14. A	15. D	16. B	17. B	18. B	19. D	20. C
21. B	22. C	23. A	24. D	25. A	26. C	27. D	28. A	29. B	30. B
31. B	32. C	33. B	34. D	35. A	36. C	37. B	38. A	39. C	40. B

Phòng GD&ĐT

Trường THCS

KIỂM TRA GIỮA KỲ II

Môn: Khoa học tự nhiên 6

Thời gian: 90 phút

I. Ma trận đề kiểm tra

Nội dung	Mức độ câu hỏi				Tổng số câu hỏi
	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
Chủ đề Virut	- Virut là gì - Cấu tạo của virut	- Các vật chủ trung gian truyền bệnh: sốt xuất huyết;		- Cách phòng chống các bệnh do virut gây nên - Cách phòng chống virut Corona	
Số câu hỏi	2 câu	1 câu		1 câu	4 câu
Số điểm	0,5 điểm	0,25 điểm		0,25 điểm	1 điểm
Tỉ lệ %	5%	2,5%		2,5%	10%
Chủ đề Nguyên sinh vật	- Nhận biết các loại nguyên sinh vật: Trùng roi, trùng biến hình,...	- Nhận biết NSV qua hình ảnh - Hình thức di chuyển, đặc điểm của một số loại NSV	- Một số tác hại của NSV - Vai trò của nguyên sinh vật		
Số câu hỏi	1 câu	3 câu	2 câu		6 câu
Số điểm	0,25 điểm	0,75 điểm	0,5 điểm		3 điểm
Tỉ lệ %	2,5%	7,5%	5%		30%
Nấm	- Nhận biết hình thái của một số loại nấm	- Gọi tên một số loại nấm - Vai trò của nấm - Tác hại của nấm	- Nhận diện và gọi tên một số loại nấm đảm	- Nhận biết nấm độc	
Số câu hỏi	1 câu	3 câu	2 câu	1 câu	7 câu
Số điểm	0,25 điểm	0,75 điểm	0,5 điểm	0,25 điểm	1,75 điểm
Tỉ lệ %	2,5%	7,5%	5%	2,5%	17,5%
Thực vật	- Môi trường sống của Rêu - Nhận biết một số loài thực vật qua hình ảnh	- Đặc điểm của Rêu - Đặc điểm của nhóm thực vật hạt trần, thực vật hạt kín	- Vai trò của thực vật đối với môi trường - Một số thực vật có chứa	- Nhận biết một số loại cây có chứa độc tố	

			độc tố, chất gây nghiện		
Số câu hỏi	4 câu	4 câu	2 câu	1 câu	11 câu
Số điểm	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>	<i>0,5 điểm</i>	<i>0,25 điểm</i>	<i>2,75 điểm</i>
Tỉ lệ %	<i>10%</i>	<i>10%</i>	<i>5%</i>	<i>2,5 %</i>	<i>27,5%</i>
Động vật	- Nhận biết một số đại diện nhóm động vật có xương sống và động vật không có xương sống	- Nhận biết hình thức di chuyển của nhóm chim			
Số câu hỏi	4 câu	5 câu	2 câu	1 câu	12 câu
Số điểm	<i>1 điểm</i>	<i>1,25 điểm</i>	<i>0,5 điểm</i>	<i>0,25 điểm</i>	<i>3 điểm</i>
Tỉ lệ %	<i>10%</i>	<i>12,5%</i>	<i>5%</i>	<i>2,5 %</i>	<i>30%</i>
TỔNG	12 câu – 3 điểm 30%	12 câu – 3 điểm 30%	12 câu – 3 điểm 30%	4 câu – 1 điểm 10%	40 câu 100%

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 2

MÔN: Khoa học tự nhiên – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Virus	Virus	Nhận biết: - Virus là gì - Cấu tạo của virus Thông hiểu: - Các vật chủ trung gian truyền bệnh: sốt xuất huyết; Vận dụng cao: - Cách phòng chống các bệnh do virus gây nên - Cách phòng chống virus Corona	2	1		1
2	Nguyên sinh vật	Nguyên sinh vật	Nhận biết: - Nhận biết các loại nguyên sinh vật: Trùng roi, trùng biến hình,... Thông hiểu: - Nhận biết NSV qua hình ảnh - Hình thức di chuyển, đặc điểm của một số loại NSV Vận dụng: - Một số tác hại của NSV - Vai trò của nguyên sinh vật	1	3	2	
3	Nấm	Nấm	Nhận biết: - Nhận biết hình thái của một số loại nấm Thông hiểu: - Gọi tên một số loại nấm - Vai trò của nấm	1	3	1	1

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			Tác hại của nấm Vận dụng: Nhận diện và gọi tên một số loại nấm đảm Vận dụng cao: Nhận biết một số loại nấm độc				
4	Thực vật	Thực vật	Nhận biết: - Môi trường sống của Rêu - Nhận biết một số loài thực vật qua hình ảnh Thông hiểu: - Đặc điểm của Rêu - Đặc điểm của nhóm thực vật hạt trần, thực vật hạt kín Vận dụng: - Vai trò của thực vật đối với môi trường - Một số thực vật có chứa độc tố, chất gây nghiện Vận dụng cao: Nhận biết một số loại cây có chứa độc tố	4	4	2	1
5	Động vật	Động vật	Nhận biết: - Nhận biết một số đại diện nhóm động vật có xương sống và động vật không có xương sống Thông hiểu: - Nhận biết đại diện của các nhóm động vật có xương sống và động vật không có xương sống Vận dụng: - Tác hại của động vật - Vai trò của động vật	4	5	2	1

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			Vận dụng cao: Mối quan hệ cộng sinh giữa các sinh vật				
Tổng				12	16	8	4